TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ ANH N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:**102**/2021/HSST
Ngày: 01 - 11 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ ANH N VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Quốc Mạnh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hoài
Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Vi – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Bồ Đức Trọng – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2021 tại Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 82/2021/HSST ngày 06 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:98/2021/QĐXX - HS ngày 24 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

TRẦN T, sinh năm 2001 tại Lâm Đồng; Tên gọi khác: Bin; Nơi cư trú: Ấp P, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Trung D và bà Lê Thị Phương T; Vợ, con: Chưa có; Tiền án; tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo chưa bị xử lý hành chính hoặc kết án về hành vi vi phạm pháp luật; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/6/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 2001; HKTT: Tổ 8, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; Chổ ở: Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước (Có đơn xin vắng mặt).

Người có quyền lợi, anh N vụ liên quan: Anh Nguyễn Trọng N, sinh năm 1994; HKTT: 48/6, khu 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; Chổ ở: 22/7, khu phố T, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Có đơn xin vắng mặt).

Người làm chứng:

- Anh Dương Văn P, sinh năm 1991; HKTT: Đội 3, T, Y, Ý, Nam Định; chổ ở: Ấp 4, xã T, B, Bình Dương (Vắng mặt).

- Anh Nguyễn Thành Tr, sinh năm 2000; HKTT: Thôn 2, xã Đt, huyện B, tỉnh Bình Phước; chổ ở: Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước (Vắng mặt).

- Anh Điểu H, sinh năm 2004; HKTT: Thôn 2, xã DD, huyện B, tỉnh Bình Phước; chổ ở: Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 10/6/2021, thông qua anh Dương Văn P bị cáo Bị cáo T được anh Trần Văn Đ chở đến phòng trọ của anh Đ thuê tại ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước, mục đích là anh Đ cho Bị cáo T ngủ nhờ một đêm để ngày mai Bị cáo T đi tìm chỗ ở khác, tại phòng trọ có anh Đ, Bị cáo T cùng với anh Nguyễn Thành Tr và anh Điểu H, sau khi ăn cơm xong thì cả 04 người ngồi nói chuyện với nhau đến khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày thì đi ngủ. Trước khi đi ngủ, anh Đ đưa xe môtô biển số 48F1 – 197.87 vào trong phòng rồi đóng cửa, chìa khóa anh Đ vẫn cắm trên xe. Thấy vậy, Bị cáo T nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe môtô 48F1 – 197.87 của anh Đ để bán lấy tiền tiêu xài nên Bị cáo T không ngủ mà nằm chờ cho đến khi anh Đ, anh Trọng và anh H ngủ rồi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 11/6/2021, Bị cáo T thấy anh Đ, anh Trọng và anh H đã ngủ say nên Bị cáo T mở cửa phòng trọ rồi lấy trộm xe môtô biển số 48F1 – 197.87 của anh Đ. Trong lúc dẫn xe ra, Bị cáo T thấy điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11, màu trắng – tím của anh Đ đang cắm xạc tại chân bàn nhựa gần cửa ra vào nên Bị cáo T lấy trộm rồi cất giấu vào túi quần. Sau đó, Bị cáo T đẩy xe môtô ra khỏi dãy phòng trọ rồi nổ máy bỏ chạy về thành phố Hồ Chí Minh. Trên đường đi, Bị cáo T mở cốp xe môtô biển số 48F1 – 197.87 để đổ xăng thì thấy ví da của anh Đ, Bị cáo T lục ví da lấy số tiền 120.000 đồng còn những giấy tờ khác khi vứt bỏ vào thùng rác ven đường. Khi đến địa phận thành phố Hồ Chí Minh, Bị cáo T bị lực lượng Cảnh sát giao thông công an thành phố Hồ Chí Minh bắt và xử phạt số tiền 6.000.000 đồng. Vì không đủ tiền nên Bị cáo T đi tìm người mượn tiền để đóng phạt. Lúc này, thấy anh Nguyễn Trọng N đang uống cà phê cùng một người đàn ông làm nghề xe ôm (chưa rõ lai lịch) nên Bị cáo T hỏi anh N mượn số tiền 6.000.000 đồng để nộp phạt và hứa sẽ bán điện thoại trả lại tiền cho anh N. Lúc này, người đàn ông chạy xe ôm nói anh N cho Bị cáo T mượn số tiền 2.000.000 đồng còn người đàn ông chạy xe ôm sẽ đi cùng Bị cáo T đến xin Cảnh sát giao thông cho Bị cáo T nộp phạt ít lại. Tin tưởng Bị cáo T, anh N cho Bị cáo T mượn số tiền 2.000.000 đồng nhưng không đưa cho Bị cáo T mà đưa cho người đàn ông chạy xe ôm. Người đàn ông chạy xe ôm đưa Bị cáo T đến gặp Cảnh sát giao thông xin nên Cảnh sát giao thông chỉ xử phạt bị cáo T số tiền 1.700.000 đồng. Còn lại số tiền 300.000 đồng thì Bị cáo T cho người đàn ông chạy xe ôm 100.000 đồng, trả lại cho anh N số tiền 200.000 đồng. Lúc này, Bị cáo T còn thiếu anh N số tiền 1.800.000 đồng. Sau đó, Bị cáo T điều khiển xe môtô biển số 48F1 – 197.87 chở anh N đi bán điện thoại. Trên đường đi thì Bị cáo T và Anh N bị Công an phường Hiệp Bình Phước, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra hành chính, do Bị cáo T không xuất trình được giấy tờ tùy thân và giấy tờ xe nên Công an phường Hiệp Bình Phước đưa Bị cáo T về trụ sở làm việc. Tại Công an phường Hiệp Bình Phước, Bị cáo T khai nhận hành vi lấy trộm tài sản của anh Đ tại ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước. Công an phường Hiệp Bình Phước bàn giao Bị cáo T

cùng tang vật cho Cơ quan CSĐT Công an huyện C thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số:38/KLĐG-HĐĐGTS ngày 16/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, kết luận:

- 01 xe môtô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu đỏ - đen - xám, biển số 48F1-197.87 tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 30.000.000 đồng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11, màu trắng - tím tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 3.500.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu đỏ-đen-xám biển số 48F1-197.87;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11, màu trắng-tím.

- Đối với số tiền 120.000 đồng Bị cáo T lấy trộm trong ví da của anh Trần Văn Đ do Bị cáo T đã tiêu xài hết nên Cơ quan Điều tra không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Trần Văn Đ không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Anh Nguyễn Trọng N yêu cầu bị cáo Bị cáo T bồi thường số tiền 2000.000 đồng.

- Gia đình bị cáo Bị cáo T đã giao nộp số tiền 2.000.000 đồng để bồi thường, khắc phục hậu quả.

Bản cáo trạng số: 90/CTr-VKS, ngày 06/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo TRẦN T về tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo Bị cáo T đã giao nộp số tiền 2.000.000 đồng để bồi thường, khắc phục hậu quả. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội "*Trộm cắp tài sản*" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,i,s khoản 1 Điều 51; Điều 50, 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo mức án từ 06 tháng đến 08 tháng tù.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã truy tố và không có ý kiến gì khác.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức hành vi của mình sai trái và rất hối hận. Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan bị cáo T hành tố tụng, người bị cáo T hành tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan bị cáo T hành tố tụng, người bị cáo T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan bị cáo T hành tố tụng, người bị cáo T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người bị hại, người có quyền lợi, anh N vụ liên quan: Người bị hại anh Trần Văn Đ và người có quyền lợi, anh N vụ liên quan anh Nguyễn Trọng N có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của anh Đ, anh N không làm trở ngại cho việc xét xử vụ án nên căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Bị cáo T khai, tối ngày 10/6/2021 sau khi cùng với anh Trần Văn Đ, anh Nguyễn Thành Tr và anh Điểu H ăn tối và đi ngủ thì đến khoảng gần 01 giờ sáng ngày 11/6/2021 Bị cáo T thấy anh Đ, anh Trọng và anh H đã ngủ say nên Bị cáo T lén dậy mở cửa phòng trọ đi ra ngoài cổng lớn để kiểm tra cửa nhà trọ xem cửa cổng nhà trọ có bị khóa không, sau khi đi ra kiểm tra thấy cổng nhà trọ không khóa nên Bị cáo T đã lén lút lấy trộm xe một chiếc xe môtô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu đỏ - đen - xám, biển số 48F1-197.87 và một điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11, màu trắng – tím của anh Đ. Sau khi lấy trộm được xe mô tô và điện thoại của anh Đ, Bị cáo T tắt nguồn điện thoại vừa lấy trộm của anh Đ rồi điều khiển xe mô tô nói trên đi đến Thành phố Hồ Chí Minh, mục đích Bị cáo T lấy xe mô tô và điện thoại của anh Đ đề bán lấy tiền tiêu xài.

Tại Bản kết luận định giá số: 38/KLĐG – HĐĐGTS ngày 16/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu đỏ-đen-xám, biển số 48F1-197.87 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 30.000.000 đồng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng - tím có giá trị 3.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo TRẦN T đã chiếm đoạt là 33.500.000 đồng. Do số tiền bị cáo Bị cáo T chiếm đoạt lớn hơn 2.000.000 đồng, vì vậy hành vi của bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra, phù hợp với các lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, cáo trạng số: 90/CT-VKS, ngày 06/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo TRẦN T về tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Bị cáo Bị cáo T đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý nên phải chịu trách nhiệm hình sự; hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Xét thấy, bị cáo được anh Đ giúp đỡ, cho ở nhờ khi bị cáo chưa tìm được chỗ ở nhưng vì muốn có tiền tiêu xài bị cáo không những không biết ơn người đã giúp đỡ mình mà đã bất chấp đạo lý, lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Đ. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đối với người bị hại anh Trần Văn Đ, anh Đ không yêu cầu bị cáo bồi thường. Tuy nhiên, bị cáo tự nguyện trả lại cho anh Đ số tiền 120.000 đồng và bị cáo đã nộp số tiền này để trả lại cho anh Đ nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với người có quyền lợi, anh N vụ liên quan anh Nguyễn Trọng N, anh N yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 2000.000 đồng, tuy nhiên quá trình điều tra xác định vào ngày 11//6/2021 bị cáo có mượn số tiền 2000.000 đồng của anh N nhưng sau đó bị cáo đã trả lại cho anh N số tiền 200.000 đồng nên số tiền bị cáo chưa trả cho anh N là 1.800.000 đồng, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 1.800.000 đồng để trả lại cho anh N nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

-01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu đỏ-đen-xám biển số 48F1-197.87 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11, màu trắng-tím là tài sản hợp pháp của anh Trần Văn Đ, Cơ Quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Đối với số tiền 2.000.000 đồng bị cáo Bị cáo T giao nộp cần tiếp tục quản thủ để đảm cho việc thi hành án.

[9]. Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10]. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Bị cáo T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 50; 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Tuyên bố bị cáo TRẦN T phạm tội " Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo TRẦN T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/6/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo TRẦN T có trách trả cho anh Trần Văn Đ số tiền 120.000 đồng (Một trăm hai mươi ngàn đồng).

- Buộc bị cáo TRẦN T có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Trọng N số tiền 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm ngàn đồng).

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục quản thủ số tiền 2.000.000 đồng để đảm bảo cho việc thi hành án anh N vụ trả tiền cho anh Trần Văn Đ và anh Nguyễn Trọng N.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo TRẦN T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo TRẦN T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại và người có quyền lợi, anh N vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- CA huyện C;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Quốc Mạnh

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Thành – Phạm Xuân Đính